

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày
10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 của Chủ tịch
UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án “Đầu tư Trại gà bố mẹ giống tại xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh
Phú Thọ” của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam;*

*Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Japfa Comfeed
Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tại Văn bản số 02/01/JCV/CV ngày 21 tháng 01
năm 2025 và hồ sơ nộp kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
32/TTr-TNMT ngày 23/01/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi
nhánh Phú Thọ, có địa chỉ trụ sở chính tại xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh
Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Chăn nuôi
gà giống tại Phú Thọ” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Chăn nuôi gà giống tại Phú Thọ.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 6546011678 do Sở Kế
hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 31/01/2008, chứng
nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 18/01/2017.

1.4. Mã số thuế: 2500175548-006.

1.5. Loại hình sản xuất: chăn nuôi gà giống.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích đất thực hiện dự án 131.116,2m² gồm các công trình: nhà nuôi gà khu D (4 chuồng nuôi), nhà nuôi gà khu E (4 chuồng nuôi); nhà khách, nhà ở công nhân, nhà văn phòng, nhà ăn tập thể và các công trình phụ trợ khác (nhà bảo vệ, nhà kho, nhà khử trùng, nhà tắm, sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh...).

- Quy mô: dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại Luật Đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm III theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 64.000 con/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý mùi, khí thải chăn nuôi quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Sơn;
- CVP, PCVP (Ô Tạo);
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - CN Phú Thọ;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-12b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các bể tự hoại.
- Nguồn số 02: nước làm mát hệ thống điều hòa các dãy chuồng nuôi được tuần hoàn tái sử dụng lại, không thải ra ngoài môi trường.
- Nguồn số 03: nước thải từ quá trình khử trùng, tắm giặt tại các nhà tắm và vệ sinh.
- Nguồn số 04: nước thải từ quá trình rửa tay chân, thoát sàn.
- Nguồn số 05: nước thải từ các phòng mổ khám gà được thu về hồ huỷ gà, không thải ra ngoài môi trường.
- Nguồn số 06: nước thải từ quá trình xử lý khí thải khu nhà D.
- Nguồn số 07: nước thải từ quá trình rửa dụng cụ chăn nuôi.

2. Dòng nước thải, vị trí xả nước thải:

- 1 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải chung từ các nguồn số 01, 03, 04, 06, 07.

2.1. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: rãnh thoát nước chung của xóm Đồng Gạo (nằm phía đông Nam, gần nhà sát trùng của cơ sở).

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X: 234112; Y: 533808 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 13,5 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24h).
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,3$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (C_{max})	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5-9	
3	BOD ₅	mg/l	117	
4	COD	mg/l	351	
5	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	175,5	
6	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	175,5	
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	

- Khuyến khích chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại, sau đó theo đường ống nhựa PVC D110 thu về bể hấp thụ thể tích 13,5m³ để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa tay chân, thoát sàn, được thu gom về bể lắng 2 ngăn thể tích 3m³ sau đó được bơm về bể hấp thụ thể tích 13,5m³ để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình khử trùng người, phương tiện ra, vào cổng và khử trùng người ra, vào các nhà gà được thu gom bằng đường rãnh bê tông về bể hấp thụ thể tích 13,5m³.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải nhà nuôi gà khu D được thu gom về hố ga thu nước thải thể tích 6m³ tại nhà thu khí, sau đó theo đường ống nước HDPE D34 bơm về bể hấp thụ thể tích 13,5m³ để xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ chăn nuôi được thu gom về bể lắng 2 ngăn thể tích 3m³ sau đó được bơm về bể hấp thụ thể tích 13,5m³ để xử lý.

- Nước thải từ các nhà tắm, giặt tại khu nhà nuôi gà D, E được thu gom bằng rãnh bê tông có nắp đậy về bể lắng 2 ngăn thể tích 3m³, sau đó bơm theo đường ống HDPE D34 về bể hấp thụ thể tích 13,5m³ để xử lý. Nước thải từ nhà tắm, giặt khu vực văn phòng, cổng được thu gom theo đường ống PVC D110 về bể hấp thụ thể tích 13,5m³ để xử lý rồi thoát ra rãnh thoát nước chung của xóm Đồng Gạo.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Các công trình xử lý nước thải:

- 4 bể tự hoại (tổng thể tích 36m³).

- 1 bể lắng 2 ngăn (thể tích 3m³).

- 1 hồ thu nước thải từ quá trình xử lý khí, mùi nhà gà khu D (thể tích 6 m³).
- 1 bể hấp thụ bằng than hoạt tính (thể tích 13,5m³).

b) Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải {(nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh → bể tự hoại) + (nước thải rửa chân tay, thoát sàn, nước tắm, giặt, rửa dụng cụ chăn nuôi → bể lắng 2 ngăn) + nước thải từ quá trình xử lý khí thải nhà gà khu D → hồ thu nước thải) + nước khử trùng} → bể hấp thụ bằng than hoạt tính → rãnh thoát nước chung xóm Đồng Gạo.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng, lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 3 tháng, kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- 1 hệ thống xử lý nước thải công suất 13,5 m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải trước xử lý tại điểm đầu nối vào bể hấp thụ.

- Mẫu nước sau xử lý trước khi thoát vào rãnh thoát nước chung của xóm Đồng Gạo.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông báo nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra trước khi xả thải ra môi trường quy định tại khoản 6, Điều 57 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ MÙI, KHÍ THẢI CHĂN NUÔI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi, khí thải:

1.1. Khí thải các nhà gà (khu D):

- Được gom chung về 1 nhà thu khí kín bằng tôn diện tích 1.650m². Tại góc cuối nhà thu khí phía giáp bờ sông mở 1 ô thoát khí diện tích 200m² có lắp đặt hệ thống giàn phun tự động sử dụng dung dịch Zymax để khử mùi, phía trên giàn có lắp thêm các tấm than hoạt tính dày 5cm và có mái che bằng tôn. Thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý như sau:

+ 11 quạt thông gió (4 nhà gà khu D tổng là 88 quạt thông gió).

+ 1 hệ thống giàn phun sương gồm 10 line bằng ống nhựa D8, mỗi line lắp 20 péc phun sương.

1.2. Khí thải các nhà gà (khu E):

- Lắp đặt 5 hộp than hoạt tính 1 nhà gà sau quạt thông gió, trong đó phía cuối mỗi nhà gà đặt 3 hộp than cách quạt thông gió 5,5m và 2 bên cánh cuối mỗi nhà gà đặt 1 hộp than hoạt tính cách quạt thông gió 3,5m. Thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý tại 4 nhà gà khu E giống nhau gồm:

+ 11 quạt thông gió (4 nhà gà khu E tổng là 88 quạt thông gió).

+ 3 hộp than hoạt tính 1 nhà gà có tổng chiều dài 14m, cao 1,66m.

+ 2 hộp than hoạt tính 1 nhà gà được đặt 2 bên có chiều dài 4,3m, cao 1,66m.

- Trồng nhiều cây xanh tại các khu đất trống trong khuôn viên và bao quanh khu vực chuồng trại chăn nuôi để giảm thiểu phát tán mùi.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý mùi, khí thải phát sinh từ khu vực chuồng trại, bảo đảm đáp ứng quy định về QCVN05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải.

2.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi làm phát sinh mùi, khí thải không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tiếng ồn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.
- Nguồn số 02: tiếng ồn, rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng (không thường xuyên).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung không tập trung, phân tán trong khu vực chăn nuôi của cơ sở.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu:

3.1. Tiếng ồn: giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung: độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên theo dõi bảo dưỡng máy móc, thiết bị, hệ thống quạt thông gió để máy luôn hoạt động tốt.
- Duy trì thường xuyên hoạt động vệ sinh trang trại, kho chứa nhằm tạo môi trường trong sạch.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chăn nuôi để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, giảm tiếng ồn và bụi phát tán ra môi trường bên ngoài, đồng thời tạo thẩm mỹ, cảnh quan môi trường trong khuôn viên của cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	12
2	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	35
3	Kim tiêm vắc xin, tiêm phòng	Rắn	13 02 01	9
4	Than hoạt tính thải	Rắn	12 01 04	500
5	Thùng bao bì cứng thải bằng nhựa đựng thuốc sát trùng, chế phẩm khử mùi, hoá chất	Rắn	18 01 03	86
6	Giẻ lau bám dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	36
7	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	18 01 02	18
8	Bao bì cứng bằng các vật liệu khác (thủy tinh, compostie, cao su...)	Rắn	18 01 04	80
9	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	14
Tổng số				790

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất phát sinh:

- Bụi bả từ quá trình vệ sinh nhà gà, phân gà và chất độn chuồng (trấu/dăm bào) phát sinh khoảng 10 tấn/đợt 65 tuần được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng làm phân bón; lông gà, gà chết phát sinh khoảng 1 - 7 con/ngày được thu gom, xử lý tại hố huỷ gà; trứng hỏng, thối khoảng 20 quả/ngày được thu gom cho các hộ dân để chăn nuôi; máng ăn, uống và khay đựng trứng vỡ hỏng phát sinh khoảng 1 kg/ngày được bán phế liệu; bùn cặn từ bể lắng phát sinh khoảng 20 kg/3 tháng, tương đương 80 kg/năm được tận dụng bón cho cây trồng trong khuôn viên cơ sở.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ (thức ăn thừa...), giấy, nilon từ khu vực văn phòng. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 11 kg/ngày, tương đương 4,015 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: 6 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng, được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải nguy hại.

b) Khu vực lưu chứa:

- 1 kho lưu chứa diện tích 20m².

- Thiết kế, cấu tạo: thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: không.

b) Khu vực lưu chứa: không.

c) Hồ huỷ gà: 3 hồ huỷ gà có thể tích 32 m³/hồ được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có đặt biển báo ở khu vực chôn lấp. Áp dụng các biện pháp xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, tuân thủ QCVN01-41:BNNPTNT và theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: 5 thùng chứa dung tích 30 lít/thùng.

b) Khu vực lưu chứa: không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Sự cố gà chết và dịch bệnh: đối với các trường hợp gà chết với số lượng quá lớn hoặc do nghi ngờ bệnh có thể lây lan, chủ cơ sở báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật về thú y và tiến hành biện pháp xử lý tuân thủ quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp./